

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 14-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh V

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham dự phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 30/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án nhân dân khu vực 7-Hải Phòng, ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ông H và bị đơn là anh Nguyễn Văn T có quen biết nhau, anh T chuyên chở vật liệu xây dựng ở bến C cho các công trình ở địa bàn xã. Ngày 16 tháng 11 năm 2019 (ngày 20/10/2019 âm lịch), anh T đến nhà ông H đề nghị vợ chồng ông H cho vay tiền do cần tiền để lấy gạch. Do quen biết từ trước và tin tưởng anh T là người làm ăn đàng hoàng nên ông H có cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất ghi trong giấy là 2%/01 tháng, ngày 17 tháng 3 năm 2022 (ngày 15/02/2022 âm lịch) ông H tiếp tục cho anh T vay 90.000.000 đồng với lãi suất thoả thuận, hai bên thống nhất đến ngày 30/4/2022 (30/3/2022 âm lịch) anh T lấy phường sẽ trả ông H; tổng số tiền ông H cho anh T vay là 100.000.000 đồng. Sau khi viết giấy vay tiền thì vợ ông là bà D đã giao, anh T đã nhận đủ số tiền. Đến ngày 30/4/2022, anh T đề nghị ông được gia hạn trả nợ gốc và lãi do anh T làm ăn khó khăn chưa có điều kiện để trả. Ông đồng ý gia hạn trả nợ cho anh T, sau đó ông H và anh T có thoả thuận lại bằng miệng về lãi suất cho vay là 20%/năm, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2022. Cuối năm 2024, do có việc cần dùng tiền nên vợ chồng ông yêu cầu anh T trả toàn bộ tiền gốc và lãi nhưng anh T không trả. Nhiều lần vợ chồng ông đến nhà anh T yêu cầu trả tiền nhưng anh T vẫn cố tình không trả mặc dù có điều kiện để trả, nên ông H đã có đơn khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng), yêu cầu anh T phải trả khoản nợ gốc là 100.000.000đ và số tiền lãi tạm tính 35 tháng (từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/4/2025) chưa thanh toán là 58.450.000đ.

Bà Nguyễn Thị D thống nhất lời khai với ông H, bà đồng ý với yêu cầu của ông H, đề nghị toà án chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh B anh T trả vợ chồng ông bà khoản nợ gốc là 100.000.000đ, và số tiền lãi tạm tính 35 tháng (từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/4/2025) chưa thanh toán là 58.450.000đ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh T vay tiền anh H 05 lần. Cụ thể: Đợt 01 vào năm 2018 anh T vay 50.000.000 triệu đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng/tháng nhưng anh T đã trả số tiền này. Đợt 02 cũng trong năm 2018 anh T vay 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/ngày, tương đương 400.000 - 500.000 đồng/tháng. Đợt 03 thì anh vay của vợ ông H là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000 đồng/tháng. Đợt 04 vào khoảng năm 2019, anh T vay 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/ngày, tương đương 400.000 - 500.000 đồng/tháng. Đợt 05 cũng khoảng năm 2019, anh T vay 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.000 đồng/ngày, tương đương 400.000 - 500.000 đồng/tháng. Tổng cộng anh T đã vay của ông H 150.000.000 đồng nhưng đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng. Khi anh T vỡ nợ, ông H mới gọi anh T vào làm giấy dòn 03 lần bằng 90.000.000 đồng và anh T ký, còn anh T vay thời gian mấy năm trước đó. Anh T đã trả nhiều tiền lãi, hiện anh T đang vỡ nợ chưa thể trả được. Anh T hẹn ông H 03 năm nữa sẽ trả

nợ, còn ông Huỳnh M được đất nhà anh T thì anh đồng ý bán cho ông hoặc bạn ông ai mua thì đồng ý bán.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu đề nghị buộc anh T trả ông số tiền 158.450.000 đồng trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 58.450.000đ, ông H1 không trình bày bổ sung gì thêm.

Bà Nguyễn Thị D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, thống nhất với yêu cầu của ông H1 đề nghị buộc anh T trả ông bà số tiền 158.450.000 đồng trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 58.450.000đ, bà D không trình bày bổ sung gì thêm.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7- Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Nguyễn Trung H có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả ông Nguyễn Trung H khoản nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); khoản tiền lãi tính đến ngày 01/4/2025 là 32.083.333 đồng; về án phí: Bị đơn anh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn ông H được chấp nhận. Nguyên đơn ông H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn T: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa **hai lần đều vắng mặt không có lý do**,

nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Ngày 20/10/2019 âm lịch (tức ngày 16/11/2019 dương lịch), tại thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng, ông H có cho anh T vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng, việc vay mượn có lập giấy vay tiền có chữ ký của anh T, vợ ông H là bà D đưa tiền mặt cho anh T. Đến ngày 15/02/2022 âm lịch (tức ngày 17/3/2022 dương lịch), ông H tiếp tục cho anh T vay số tiền 90.000.000 đồng, việc vay mượn có lập giấy vay tiền do anh T viết, lãi suất vay do các bên thỏa thuận và thời hạn vay đến ngày 30/3/2022 âm lịch (tức ngày 30/4/2022 dương lịch) thì anh T lấy phùng sẽ trả tiền cho ông H. Tổng số tiền 02 lần anh T vay của ông H là 100.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2022 âm lịch (tức ngày 30/4/2022 dương lịch), anh T đề nghị ông H được gia hạn trả nợ gốc và lãi cho anh T do anh T đang làm ăn khó khăn chưa có điều kiện để trả, ông H đồng ý nhưng có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất cho vay là 20%/năm, thời điểm tính lãi từ ngày 01/5/2022. Việc anh T không trả nợ tiền vay, khi ông H cần tiền đã thông báo cho anh T để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của anh T. Vì vậy yêu cầu trả nợ của ông H với số tiền gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Đối với yêu cầu của ông Huỳnh B anh T phải trả số tiền nợ lãi tạm tính là 35 tháng (từ 01/5/2022 đến ngày 01/4/2025) là 58.450.000 đồng: Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”*. Xét việc ngày cuối cùng hai bên đương sự thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ vay, trả nợ trong hợp đồng vay tài sản là ngày 30/4/2022. Tính đến ngày Tòa án nhận được Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của ông H gửi đến Tòa án là ngày 01/4/2025 thì chưa hết thời hiệu khởi kiện 03 năm theo quy định nên yêu cầu đòi tiền lãi của ông H là có cơ sở chấp nhận.

Tại Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2019 âm lịch (tức ngày 16/11/2019 dương lịch) thể hiện thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS: *“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”*. Do đó, lãi suất được chấp nhận là 20%/năm, lãi suất vượt quá là 04% không được chấp thuận. Số tiền lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 14/8/2025 là

39 tháng 14 ngày: $[(10.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 12 \text{ tháng})) \times 39 \text{ tháng}] + [(10.000.000 \text{ đồng} \times (20\% : 12 \text{ tháng}) : 31 \text{ ngày}) \times 14 \text{ ngày}] = 6.575.000 \text{ đồng}.$

Tại Giấy vay tiền đề ngày 15/02/2022 âm lịch (tức ngày 17/3/2022 dương lịch) không thể hiện thỏa thuận về lãi suất vay, mặc dù ông H cho rằng hai bên đã thỏa thuận bằng miệng về lãi suất cho vay là 20%/năm nhưng anh T không thừa nhận về nội dung này. Do đó, cần xác định hai bên không có thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền vay 90.000.000 đồng này nên cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 468 BLDS. Theo đó, mức lãi suất được chấp thuận xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 (20%/năm) tại thời điểm trả nợ tương đương 10%/năm. Số tiền lãi tính từ ngày 01/5/2022 đến ngày 14/8/2025 là: $[(90.000.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng})) \times 39 \text{ tháng}] + [(90.000.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng}) : 31 \text{ ngày}) \times 14 \text{ ngày}] = 29.250.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi đối với cả hai khoản vay anh T phải trả cho ông H là 35.825.000 đồng.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả ông Nguyễn Trung H số tiền gốc là 100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2019 âm lịch (tức ngày 16/11/2019 dương lịch) và Giấy vay tiền đề ngày 15/02/2022 âm lịch (tức ngày 17/3/2022 dương lịch).

Buộc anh T phải trả tổng số tiền lãi theo Giấy vay tiền đề ngày 20/10/2019 âm lịch (tức ngày 16/11/2019 dương lịch) và Giấy vay tiền đề ngày 15/02/2022 âm lịch (tức ngày 17/3/2022 dương lịch) là 35.825.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 5.291.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trung H phải nộp 1.131.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 22.625.000 đồng không được chấp nhận. Đối trừ với số tiền 3.965.000 đồng tạm ứng án phí ông Nguyễn Trung H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009630 ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Hải Phòng), hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trung H số tiền 2.834.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7-Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án khu vực 7-Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh V